

KẾ HOẠCH

Triển khai Đề án "Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2026-2030" tại xã Nghi Dương

Thực hiện Kế hoạch số 366/KH-UBND ngày 21/9/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về Triển khai Đề án "Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2026-2030" tại thành phố Hải Phòng; Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch thực hiện trên địa bàn xã cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao tình trạng sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục của vị thành niên, thanh niên thông qua việc xây dựng cơ chế tài chính bền vững tại địa phương, mở rộng tiếp cận dịch vụ y tế thân thiện, chất lượng và thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý, đồng thời trang bị kiến thức, kỹ năng giúp thay đổi hành vi, góp phần nâng cao chất lượng dân số và nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng.

2. Mục tiêu cụ thể và chỉ tiêu đến năm 2030:

2.1. Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước và đảm bảo nguồn lực tài chính bền vững

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Hằng năm, lập dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách, gửi cơ quan có thẩm quyền tổng hợp, xem xét theo quy định.

2.2. Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi trong chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên thanh niên

- Phấn đấu giảm tỷ suất sinh đặc trưng lứa tuổi 15-19 (ASFR, 15-19 tuổi) xuống 01 trẻ đẻ sống/1.000 phụ nữ trong nhóm tuổi.

- Phấn đấu tỷ lệ % phá thai ở vị thành niên trên tổng số ca phá thai dưới 0,5%.

- 85% vị thành niên, thanh niên (15-24 tuổi) có hiểu biết đúng và đầy đủ về dự phòng mang thai ngoài ý muốn và các bệnh lây truyền qua đường tình dục theo bộ công cụ đánh giá thống nhất.

- Triển khai nội dung giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình

dục trong chương trình chính khóa hoặc hoạt động ngoại khóa theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền tại trường trung học cơ sở.

- Triển khai và duy trì góc truyền thông hoặc góc tư vấn về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên theo tiêu chí chuyên môn được hướng dẫn tại trường trung học cơ sở.

2.3. Tăng cường tiếp cận và nâng cao chất lượng dịch vụ thân thiện với vị thành niên, thanh niên

- Cơ sở y tế công lập (cấp cơ bản trở lên) trên địa bàn xã đạt tiêu chuẩn thân thiện với vị thành niên, thanh niên theo Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho vị thành niên, thanh niên¹.

- Bảo đảm 90% nhu cầu về các biện pháp tránh thai hiện đại ở phụ nữ độ tuổi 15-24 được đáp ứng.

II. THỜI GIAN, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến hết năm 2030.

2. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn xã Nghi Dương.

3. Đối tượng can thiệp

- Vị thành niên, thanh niên; ưu tiên nhóm từ 10-13 tuổi, thanh niên chưa kết hôn, người khuyết tật, người di cư, người dân tộc thiểu số, thanh niên và người lao động trẻ tại khu công nghiệp và các nhóm có nhu cầu đặc thù.

- Nhân viên y tế; cha mẹ, người chăm sóc, giáo viên, cán bộ Đoàn và những người tham gia công tác giáo dục, tư vấn, hỗ trợ vị thành niên, thanh niên.

III. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và huy động nguồn lực

- Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Đề án và Kế hoạch của thành phố, xã đến các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, cơ sở giáo dục, cơ sở y tế; xác định chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên là một trong những nội dung của công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe Nhân dân, góp phần nâng cao chất lượng dân số và nguồn nhân lực của xã.

- Các cơ quan, ban, ngành, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế chủ động lồng ghép nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên vào các chương trình, kế hoạch có liên quan; bảo đảm rõ nội dung, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ và kết quả thực hiện.

¹ Việc đánh giá tiêu chuẩn thực hiện theo Quyết định số 3261/QĐ-BYT ngày 04/11/2024 về việc Ban hành tài liệu chuyên môn “Hướng dẫn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - nội dung chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên và thanh niên”

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành trong triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên; tăng cường phối hợp giữa ngành Y tế với ngành Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, đơn vị liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội và cơ sở thôn.

- Huy động, bố trí và sử dụng hiệu quả các nguồn lực thực hiện Kế hoạch; ưu tiên nguồn lực cho các địa bàn, nhóm đối tượng có nhu cầu cao, nhóm vị thành niên, thanh niên có hoàn cảnh đặc thù, thanh niên công nhân, lao động trẻ tại các khu công nghiệp, người di cư và các khu vực còn khó khăn trong tiếp cận dịch vụ.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, cơ sở y tế và các tổ chức xã hội trong phạm vi pháp luật cho phép; bảo đảm việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực công khai, minh bạch, đúng quy định.

2. Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục thay đổi hành vi và ứng dụng công nghệ thông tin

- Tăng cường vận động, nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền, các cơ quan, ban, ngành, gia đình, nhà trường, doanh nghiệp và cộng đồng về tầm quan trọng của chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên; huy động sự tham gia và phối hợp liên ngành.

- Đa dạng hóa nội dung, hình thức và kênh truyền thông, phù hợp với từng độ tuổi, giới tính và nhóm đối tượng; tập trung vào tình dục an toàn, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, phòng ngừa nhiễm khuẩn đường sinh sản, bệnh lây truyền qua đường tình dục và cung cấp thông tin về địa chỉ dịch vụ thân thiện.

- Đẩy mạnh truyền thông trực tiếp, đại chúng, mạng xã hội, nền tảng số và tư vấn trực tuyến; chủ động khai thác các nền tảng số do Bộ Y tế và thành phố, xã triển khai.

- Triển khai giáo dục giới tính toàn diện (CSE) trong nhà trường theo lộ trình, phù hợp lứa tuổi; lồng ghép với giáo dục kỹ năng sống, hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, giáo dục đồng đẳng và xây dựng góc tư vấn phù hợp từng cấp học.

- Phát triển các mô hình truyền thông, tư vấn tại trường học và cộng đồng, trong đó chú trọng câu lạc bộ sức khỏe sinh sản, tư vấn viên đồng đẳng; tăng cường cung cấp kiến thức, kỹ năng cho cha mẹ, người chăm sóc và giáo viên.

- Xây dựng các gói can thiệp phù hợp với nhóm đặc thù, ưu tiên thanh niên công nhân tại khu công nghiệp, lao động di cư và các nhóm dễ bị tổn

thương; tăng cường tiếp cận qua các tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên và các nền tảng số.

- Lồng ghép truyền thông về dân số và phát triển, vận động nam, nữ thanh niên kết hôn, sinh con phù hợp, góp phần duy trì mức sinh thay thế; bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong các hoạt động truyền thông, tư vấn số.

3. Mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ thân thiện

- Rà soát, củng cố và nâng cao chất lượng mạng lưới cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên tại các cơ sở y tế trên địa bàn xã; từng bước chuẩn hóa các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực, quy trình chuyên môn và môi trường cung cấp dịch vụ theo hướng thân thiện, thuận tiện, riêng tư, bảo mật và phù hợp với nhu cầu của vị thành niên, thanh niên.

- Triển khai, củng cố mô hình tư vấn và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện tại trường học phù hợp với điều kiện thực tế; tăng cường phối hợp giữa cơ sở giáo dục và cơ sở y tế trong tư vấn, truyền thông, phát hiện nhu cầu và kết nối học sinh, sinh viên với dịch vụ y tế khi cần thiết.

- Triển khai mô hình tư vấn, truyền thông và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho thanh niên công nhân, lao động trẻ tại các doanh nghiệp có đông lao động trẻ; lồng ghép với các hoạt động chăm sóc sức khỏe người lao động, truyền thông tại nơi làm việc và các hoạt động phù hợp với điều kiện sinh hoạt của công nhân.

- Phát triển mô hình tư vấn, cung cấp thông tin và kết nối dịch vụ thông qua nền tảng số, ứng dụng công nghệ thông tin và các kênh truyền thông phù hợp với thanh niên, tạo điều kiện để vị thành niên, thanh niên tiếp cận thông tin chính xác, được tư vấn và kết nối với cơ sở cung cấp dịch vụ khi có nhu cầu; bảo đảm tính phù hợp, riêng tư và bảo mật thông tin.

- Khuyến khích triển khai các mô hình phối hợp giữa cơ sở y tế - nhà trường - gia đình - tổ chức Đoàn, Hội - doanh nghiệp và cộng đồng trong truyền thông, tư vấn, giới thiệu và kết nối vị thành niên, thanh niên với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục; ưu tiên các nhóm đối tượng có nhu cầu cao hoặc còn hạn chế trong tiếp cận dịch vụ.

- Tăng cường cung cấp, tư vấn sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại; nâng cao khả năng tiếp cận các biện pháp tránh thai phù hợp cho vị thành niên,

thanh niên, nhất là nhóm có nguy cơ mang thai ngoài ý muốn.

- Nâng cao chất lượng tư vấn, khám, điều trị và chăm sóc; tăng cường phát hiện, tư vấn, điều trị và chuyển tuyến đối với các trường hợp có vấn đề về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vượt quá khả năng chuyên môn của cơ sở; bảo đảm tính liên tục, an toàn và hiệu quả trong quá trình chăm sóc.

4. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực và tăng cường nghiên cứu khoa học

- Cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức và kỹ năng cho cán bộ y tế về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên; chú trọng kỹ năng tư vấn, giao tiếp, cung cấp dịch vụ thân thiện và bảo mật thông tin.

- Cử cán bộ tham gia bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế trường học, cán bộ Đoàn, cán bộ làm công tác thanh niên và những người trực tiếp tham gia truyền thông, tư vấn, hỗ trợ vị thành niên, thanh niên.

- Khuyến khích nghiên cứu, khảo sát, đánh giá thực trạng sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên; nghiên cứu nhu cầu sử dụng dịch vụ của các nhóm đối tượng, nhất là thanh niên công nhân, lao động trẻ, thanh niên di cư và các nhóm có nhu cầu đặc thù.

- Tăng cường chia sẻ, áp dụng các kết quả nghiên cứu, mô hình, sáng kiến có hiệu quả vào tổ chức thực hiện Kế hoạch trên địa bàn xã.

5. Tăng cường phối hợp liên ngành, phát huy vai trò của gia đình, nhà trường, tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng

- Tăng cường phối hợp giữa ngành Y tế, Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, đơn vị liên quan và cơ sở thôn trong tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên.

- Phát huy vai trò của gia đình trong giáo dục, hướng dẫn và hỗ trợ vị thành niên, thanh niên chủ động chăm sóc sức khỏe, tiếp cận thông tin chính xác và sử dụng dịch vụ y tế phù hợp.

- Phát huy vai trò của nhà trường trong giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục và kỹ năng phòng tránh nguy cơ; tăng cường tư vấn, hỗ trợ và kết nối học sinh, sinh viên với cơ sở y tế khi cần thiết.

- Phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động, tư vấn, hỗ trợ thanh niên, thanh niên công nhân và các nhóm thanh niên có nhu cầu đặc thù.

- Phối hợp triển khai các hoạt động tại khu công nghiệp, doanh nghiệp có đông lao động trẻ; lồng ghép nội dung chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vào các hoạt động chăm sóc sức khỏe người lao động, tuyên truyền pháp luật và hoạt động văn hóa, thể thao, đời sống công nhân.

- Tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong phát hiện nhu cầu, truyền thông, hỗ trợ và kết nối vị thành niên, thanh niên với các dịch vụ y tế; góp phần xây dựng môi trường an toàn, thân thiện và thuận lợi cho vị thành niên, thanh niên.

6. Tăng cường thông tin, thống kê, theo dõi, giám sát và đánh giá

- Tăng cường phối hợp chia sẻ dữ liệu giữa ngành Y tế và cơ quan thống kê để theo dõi các biến động về dân số sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên.

- Tăng cường thu thập, phân tích dữ liệu và sử dụng các thông tin đã phân tích theo độ tuổi, giới, trình độ, nơi học tập, làm việc, tôn giáo, vùng địa lý và loại hình dịch vụ liên quan đến chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định; bảo đảm số liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch.

IV. KINH PHÍ

1. Ngân sách Nhà nước theo phân cấp;
2. Nguồn xã hội hóa và các nguồn huy động hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa-Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn xã.

- Đôn đốc các cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện, đảm bảo triển khai có hiệu quả và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện tại Trạm Y tế và các đơn vị liên quan; kịp thời tham mưu UBND xã chỉ đạo, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ngành, đơn vị đẩy mạnh xã hội hóa, huy động sự tham gia của các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp để thực hiện Kế hoạch.

- Thực hiện công tác báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

2. Phòng Kinh tế

Trên cơ sở tổng hợp của các cơ quan, đơn vị liên quan, căn cứ khả năng

cân đối ngân sách, đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước đảm bảo để thực hiện theo các hoạt động của Kế hoạch.

3. Trạm Y tế

- Phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên trên địa bàn.
- Thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

4. Công an xã

Phối hợp phòng, chống xâm hại tình dục trẻ em, vị thành niên; tuyên truyền, nâng cao kỹ năng bảo đảm an toàn trên không gian mạng; tiếp nhận, xử lý và hỗ trợ các trường hợp bị xâm hại.

5. Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức thành viên

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đơn vị có liên quan tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của gia đình và cộng đồng trong chăm sóc, bảo vệ sức khỏe vị thành niên, thanh niên.

- Phát huy vai trò của các tổ chức thành viên trong tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ và kết nối vị thành niên, thanh niên với các hoạt động, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục phù hợp; chú trọng các nhóm thanh niên có nhu cầu đặc thù, thanh niên công nhân, lao động trẻ và thanh niên di cư.

- Đoàn Thanh niên phối hợp triển khai các hoạt động truyền thông, giáo dục kỹ năng, tư vấn và hỗ trợ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho đoàn viên, thanh niên; phát huy mạng lưới tổ chức Đoàn, Hội, cán bộ Đoàn và lực lượng thanh niên tình nguyện trong tuyên truyền, kết nối thanh niên với các dịch vụ y tế phù hợp.

- Phối hợp giám sát, phản biện xã hội, nắm bắt ý kiến, nhu cầu và những khó khăn trong tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục của vị thành niên, thanh niên; tổng hợp, phản ánh với cơ quan có thẩm quyền để xem xét, giải quyết theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên trên địa bàn xã.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2026-2030” tại xã Nghi Dương. Đề nghị các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch bảo đảm hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế; (Báo cáo)
- TT ĐU, HĐND xã; (Báo cáo)
- Q.CT, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc xã;
- Lưu: VT, VHXX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**



Lưu Thị Tươi